

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN T  
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 26/5/2020.

V/v: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH QUẢNG NAM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Phùng Thành.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phan Văn Hoàng

2. Bà Đỗ Thị Liễu

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Hải Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 199/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2019, về việc: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2020/QĐXX-ST ngày 07 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

+ *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Trần Thanh G, sinh năm 1983.

*Trú tại:* Tổ 5, phường A, quận S, tp Đà Nẵng.

+ *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1980.

*Trú tại:* Tổ 13, thôn T2, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

(Nguyên đơn chị G có mặt; bị đơn anh H vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Trần Thanh G trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn H tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau có con chung trước sau đó đi đến kết hôn vào năm 2007 có đăng ký kết hôn tại UBND phường A, quận S, tp Đà Nẵng. Sau khi kết hôn vợ chồng chị về sống chung tại gia đình anh H ở xã B, huyện T. Thời điểm chị sắp sinh, chị về nhà cha mẹ ruột của chị ở Đà Nẵng và anh H ra chung sống với gia đình chị. Vợ chồng chị chung sống bên gia đình chị được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tình tình vợ chồng không hợp nhau nên trong gia đình thường xảy ra cãi vã xúc phạm lẫn nhau. Sau đó anh H về lại quê của mình ở xã B, huyện T sinh sống khoảng 10 năm nay. Trong khoảng thời

gian sống ly thân với nhau, quan hệ vợ chồng chúng tôi không còn, phần ai nấy sống, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay tôi thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

- Về con chung: Chị G khai vợ chồng chị có 01 con chung tên là Nguyễn Văn N, sinh ngày 03/11/2006. Nguyễn vọng của chị G là xin nuôi cháu N đến 18 tuổi, trưởng thành. Chị G không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Chị G khai không có.

- Nợ chung: Chị G khai không có.

\* Bị đơn anh Nguyễn Văn H không đến Tòa, không có bản tự khai, không có lời trình bày tại biên bản hòa giải. Tòa án đã tiến hành niêm yết, tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho anh H.

\* Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư Ký, Hội đồng xét xử, các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, trình tự thu thập chứng cứ là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử xử chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị G, giao con chung cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung chị G không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét. Về tài sản chung, nợ chung chị G khai không có nên không xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam;

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là quan hệ ly hôn, tranh chấp về nuôi con là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Vụ án có bị đơn anh Nguyễn Văn H cư trú tại huyện T, tỉnh Quảng Nam. Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn anh Nguyễn Văn H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa. Các văn bản đã tổng đạt cho người nhà bị đơn, niêm yết tại nhà của bị đơn và tại UBND xã B, huyện T nơi bị đơn cư trú. Nhưng bị đơn vẫn cố tình vắng mặt không có lý do tại các buổi hòa giải cũng như tại phiên tòa. Do vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo qui định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Trần Thanh G và anh Nguyễn Văn H có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 21 do Ủy

ban nhân dân phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 27/3/2007 là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn chị G xác định vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian ngắn sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp nên vợ chồng thường xuyên cãi vã xúc phạm lẫn nhau. Anh H không lo cho gia đình nên cuộc sống chung không có hạnh phúc. Chị và anh H đã sống ly thân từ 10 năm nay. Vợ chồng phần ai nấy sống không quan tâm gì đến nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án muốn hòa giải cho các bên đoàn tụ chung sống làm ăn nuôi con, nhưng anh H không đến Tòa làm việc. Hội đồng xét xử thấy các bên đương sự không thật sự mong muốn sống bên nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu có kéo dài thì cuộc sống hôn nhân cũng không có, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Trần Thanh G xin được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

[3] Về con chung: Xác định trong thời kỳ hôn nhân và quá trình chung sống, vợ chồng chị G anh H có 01 con chung tên là: Nguyễn Văn N, sinh ngày 03/11/2006. Nguyên vọng của chị Giang nêu ly hôn xin được nuôi cháu Nam đến khi đủ 18 tuổi, trưởng thành. Do bị đơn anh Nguyễn Văn H vắng mặt, Hội đồng xét xử không xác định được nguyện vọng của anh H có muốn nuôi con hay không. Trong khi cháu Nam từ trước đến nay sống ổn định với chị G. Ngoài ra, cháu N có nguyện vọng được sống với mẹ. Hội đồng xét xử xét thấy anh H thực sự không mong muốn được nuôi con nên không đến Tòa án để có lời trình bày nên không thể giao con cho anh H nuôi dưỡng. Từ đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn giao cháu N cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với tình hình thực tế và đúng pháp luật.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị G không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết theo yêu cầu của một bên hoặc của hai bên thì Tòa án có thể quyết định cho thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung: Chị G khai vợ chồng không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung và cho mượn nợ: Chị G khai vợ chồng không có nợ ai và không cho ai mượn nợ, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Trần Thanh G phải chịu số tiền: 300.000<sup>d</sup> (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Được tính trừ vào số tiền: 300.000<sup>d</sup> (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí mà chị G đã nộp theo biên lai thu số 0005314 ngày 23/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Quảng Nam.

[8] Các bên đương có quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo theo quy định tại các Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[9] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam là đúng pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 146; Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 2 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Trần Thanh G. Chị Nguyễn Trần Thanh G được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung, nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung:

- Xác định vợ chồng chị Nguyễn Trần Thanh G và anh Nguyễn Văn H có 01 con chung tên là: Nguyễn Văn N, sinh ngày 03/11/2006.

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Trần Thanh G: Giao cháu Nguyễn Văn N, sinh ngày 03/11/2006 cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng.

- Chị G không yêu cầu anh Nguyễn Văn H cấp dưỡng nuôi con chung nên không xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom chăm sóc giáo dục con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết theo yêu cầu của một bên hoặc của hai bên thì Tòa án có thể quyết định cho thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Chị G khai không có tài sản chung nên không xem xét.

4. Về nợ chung và cho mượn nợ: Chị G khai không có nợ ai và không cho ai mượn nợ, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Trần Thanh G phải chịu số tiền: 300.000<sup>d</sup>(Ba trăm ngàn đồng). Được tính trừ vào số tiền: 300.000<sup>d</sup>(Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí mà chị G đã nộp theo biên lai thu số 0005314 ngày 23/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Quảng Nam.

6. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để xin Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để xin Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND – VKSND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THA.DS huyện T;
- UBND phường A, Quận. S.
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**  
(Đã ký tên, đóng dấu)

**Đặng Phùng Thành**